| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN LIÊN CHIỂU-TP ĐÀ NẴNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **23**/2024/KDTM-ST
Ngày 31 tháng 12 năm 2024
*V/v: "Tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán của hợp đồng mua bán hàng hóa"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà **Nguyễn Thị Kim Trinh**
*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông **Nguyễn Văn Cơ**
Ông **Ngô Văn Sỹ**

***- Thư ký phiên toà***: Bà **Trần Thị Thùy Trang** - Cán bộ Toà án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa***: Ông **Võ Quang Tiến** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, Toà án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 36/2024/TLST-KDTM ngày 11 tháng 10 năm 2024 về *"Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán của hợp đồng mua bán hàng hóa"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2024/QĐXXST-KDTM ngày 05 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2024/QĐST-KDTM ngày 16 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH T3; địa chỉ: đường số B, phường P, thành phố T, TP Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Đinh Ngọc B – Chức danh: Giám đốc.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Công ty TNHH Đ luật – Chi nhánh Đ1; địa chỉ: Số D N, phường H, quận H, TP Đà Nẵng (Theo Văn bản ủy quyền ngày 04.7.2024). Công ty TNHH Đ luật cử bà Nguyễn Thái Hương T tham gia tố tụng theo Quyết định số 0111/2024/QĐ/ĐPL-ĐN ngày 01.11.2024 của Công ty TNHH Đ luật – Chi nhánh Đ1. Có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty TNHH T3:* Ông Nguyễn Trung T1 - Luật sư Công ty TNHH Đ luật, đoàn luật sư thành phố H; địa chỉ: Số D N, phường H, quận H, TP Đà Nẵng. Có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty cổ phần D; địa chỉ: Lô B, đường số I, Khu công nghiệp H, quận L, thành phố Đà Nẵng;

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Lâm Quan Xuân T2 – Chức danh: Tổng giám đốc.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn C – Chức danh: Phó Tổng giám đốc (Theo Quyết định về việc bổ nhiệm Phó tổng giám đốc số 23.12/2024/QĐ ngày 23.12.2024). Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Công ty TNHH T3 là Luật sư Nguyễn Trung T1 trình bày:***

Công ty TNHH T3 (gọi tắt: Công ty T3) giao dịch bán hàng hóa là các phụ tùng, linh kiện thiết bị cho máy dệt các loại với Công ty Cổ phần D (gọi tắt: Công ty D) từ năm 2004 đến năm 2023; theo hợp đồng nguyên tắc số 05/ĐN-N.B.S ngày 02/01/2013.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty T3 đã giao hàng hóa theo đúng chất lượng, thời gian, xuất hóa đơn giá trị gia tăng đúng theo quy định nhưng từ năm 2020 đến nay Công ty D – Đ phạm nghĩa vụ thanh toán. Tại thời điểm ký đối chiếu công nợ thông qua "Thư xác nhận" ngày 10/01/2020 để phục vụ kiểm toán của Công ty D thì Công ty D xác định: *"Tại ngày 31/12/2019, số tiền chúng tôi phải trả cho Quý vị là 271.994.300 VND"*, nghĩa là Công ty D phải trả cho Công ty T3 với số tiền là 271.994.300 đồng.

Sau khi có "Thư xác nhận" ngày 10/01/2020, Công ty D có 02 lần mua thêm hàng:

+ Ngày 23/9/2020 mua hàng với số tiền là 5.197.500 đồng.

+ Ngày 23/5/2023 mua hàng với số tiền là 330.000 đồng.

Đồng thời, Công ty D - Đà Nẵng 03 lần thanh toán tiền hàng:

+ Thanh toán số tiền 15.000.000 đồng ngày 17/01/2020.

+ Thanh toán số tiền 10.000.000 đồng ngày 28/01/2022.

+ Thanh toán số tiền 27.282.000 đồng ngày 11/5/2023.

Như vậy, tính đến thời điểm hiện nay, Công ty D còn nợ Công ty T3, với số tiền: 225.239.800 đồng (Hai trăm hai mươi lăm triệu hai trăm ba mươi chín ngàn tám trăm đồng chẵn).

Việc Công ty cổ phần D - Đà Nẵng mua hàng, đã có xác nhận công nợ với Công ty T3, nhưng từ ngày 12/5/2023 đến nay không chịu thực hiện thanh toán công nợ là đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty T3. Do đó, Công ty T3 yêu cầu buộc Công ty D thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho Công ty T3, với số tiền: 258.566.280 đồng (Hai trăm năm mươi tám triệu năm trăm sáu mươi sáu ngàn hai trăm tám mươi đồng), trong đó:

(1) Tiền công nợ gốc, với số tiền: 225.239.800 đồng.

(2) Tiền nợ lãi: tính từ 23/6/2023 (30 ngày kể từ ngày Công ty TNHH T3 giao hàng lần cuối cùng là 23/5/2024) đến 23/12/2024 (548 ngày), với số tiền, lãi suất 10%/năm, cụ thể: 225.239.800 đồng x 548 ngày x 0,027%/ngày = 33.326.480 đồng.

Đối với việc Công ty cổ phần D - Đà Nẵng đề nghị phương án thanh toán và không tính lãi, giảm lãi thì Công ty TNHH T3 không thống nhất.

**** Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty TNHH T3 là bà Nguyễn Thái Hương T trình bày:*** Thống nhất với lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp. Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH T3 về việc buộc bị đơn Công ty Cổ phần D thanh toán số tiền còn nợ là 258.566.280 đồng, trong đó tiền còn nợ là 225.239.800 đồng, tiền lãi là 33.326.480 đồng.

**** Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty cổ phần D là ông Nguyễn C trình bày:***

Công ty TNHH T3 ( gọi tắt: Công ty T3) giao dịch bán hàng hóa là các phụ tùng, linh kiện thiết bị cho máy dệt các loại với Công ty Cổ phần D (gọi tắt: Công ty D) từ năm 2004 đến năm 2023; theo hợp đồng nguyên tắc số 05/ĐN-N.B.S ngày 02/01/2013.

Công ty TNHH T3 đã giao hàng và xuất hóa đơn giá trị gia tăng đúng như cam kết tại hợp đồng. Tính đến ngày 10/9/2024, Công ty CP D - Đà Nẵng còn nợ tiền mua hàng của Công ty TNHH T3 số tiền là 225.239.800 đồng (Hai trăm hai mươi lăm triệu hai trăm ba mươi chín ngàn tám trăm đồng chẵn).

Số tiền này được giải thích cụ thể như sau:

- Thông qua "Thư xác nhận" ngày 10/01/2020 xác định công nợ giữa hai bên là 271.994.300 VND.

- Sau đó, Công ty D có 02 lần mua thêm hàng:

+ Ngày 23/9/2020 mua hàng với số tiền là 5.197.500 đồng.

+ Ngày 23/5/2023 mua hàng với số tiền là 330.000 đồng.

- Trong đó Công ty D có 03 lần thanh toán tiền hàng:

+ Thanh toán số tiền 15.000.000 đồng ngày 17/01/2020.

+ Thanh toán số tiền 10.000.000 đồng ngày 28/01/2022.

+ Thanh toán số tiền 27.282.000 đồng ngày 11/5/2023.

Công ty D xin được trình bày lý do chủ yếu dẫn đến tiền nợ trên:

+ Từ đầu năm 2020 cho đến hết năm 2023, do ảnh hưởng của đại dịch C1 -19 đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty C2 sản xuất cầm chừng đê giữ chân người lao động. Hoạt động kinh doanh thua lỗ liên tục qua các năm, tình hình tài chính bào mòn nghiêm trọng. Khó khăn thêm chồng chất với thiệt hại sau trận lũ lịch sử ngày 14/10/2022 với thiệt hại gần 20 tỷ đồng đến nay vẫn chưa được khắc phục.

+ Hoạt động sản xuất kinh doanh đình đốn kéo dài, tài chính mất cân đối nghiêm trọng. Đến đầu năm 2024, Công ty ngừng hoạt động cho đến nay.

+ Hiện nay Công ty vẫn chưa thanh toán tiền nợ lương, nợ chế độ trợ cấp thôi việc của người lao động, nợ thuê và nhiêu khoản nợ khác của nhà cung cấp...

+ Vừa qua, Công ty đã tổ chức Đại hội cổ đông bất thường và Hội đồng quản trị đã quyết định cơ cầu lại tài chính, mời nhà đầu tư có tiềm lực tài chính cùng ngành nghề tham gia. Dự kiến Công ty sẽ hoạt động trở lại vào Quý 01/2025.

Trong đó nhà đầu tư mới sẽ tham gia tài chính để trả các khoản Công ty đang nợ với yêu cầu Công ty phải đàm phán các nhà cung cấp giảm nợ và thời gian thanh toán. Các nhà cung cấp đều đồng ý hỗ trợ chúng tôi để Công ty có thể phục hồi hoạt động. Công ty D đề nghị thanh toán số tiền còn nợ theo 02 phương án như sau:

Phương án 01: Đề nghị Công ty TNHH T3 không tính lãi chậm thanh toán và Công ty D phân kỳ trả nợ thành 03 lần, đến quý II/2025 sẽ thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ.

Phương án 02: Đề nghị Công ty TNHH T3 giảm ½ lãi chậm thanh toán và đến quý I/2025 Công ty D sẽ thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ.

**Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu:**

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, việc giải quyết vụ án được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại BLTTDS, đảm bảo cho các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Quá trình tòa án thụ lý giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã có ý kiến trình bày quan điểm của mình và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, buộc Công ty cổ phần D trả cho Công ty TNHH T3 số tiền còn nợ là 258.566.280 đồng (Hai trăm năm mươi tám triệu năm trăm sáu mươi sáu ngàn hai trăm tám mươi đồng), trong đó: tiền còn nợ là 225.239.800 đồng, tiền lãi là 33.326.480 đồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa nguyên đơn Công ty TNHH T3 với bị đơn Công ty cổ phần D; địa chỉ: Lô B, đường số I, Khu công nghiệp H, quận L, thành phố Đà Nẵng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại các Điều 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp: Công ty TNHH T3 khởi kiện, yêu cầu Công ty cổ phần D thanh toán số tiền còn nợ là 258.566.280 đồng (Hai trăm năm mươi tám triệu

năm trăm sáu mươi sáu ngàn hai trăm tám mươi đồng), trong đó: tiền còn nợ là 225.239.800 đồng, tiền lãi là 33.326.480 đồng. HĐXX xét thấy:

[2.1] Đối với số tiền còn lại phải thanh toán:

HĐXX xét thấy, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, đại diện Công ty TNHH T3 và Công ty cổ phần D đều thừa nhận: Giữa các bên có ký kết hợp đồng nguyên tắc số 05/ĐN-N.B.S ngày 02/01/2013 về việc mua bán phụ tùng máy dệt với số lượng, giá cả theo từng thời điểm đặt hàng. Số tiền còn nợ giữa các bên tính đến thời điểm hiện nay là 225.239.800 đồng (Hai trăm hai mươi lăm triệu  hai trăm ba mươi chín ngàn tám trăm đồng). Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX công nhận việc Công ty cổ phần D chưa thanh toán cho Công ty TNHH T3 số tiền còn nợ theo theo hợp đồng nguyên tắc số 05/ĐN-N.B.S ngày 02/01/2013 là 225.239.800 đồng (Hai trăm hai mươi lăm triệu  hai trăm ba mươi chín ngàn tám trăm đồng).

Xét thấy, tại Điều 4 hợp đồng nguyên tắc số 05/ĐN-N.B.S ngày 02/01/2013 quy định Công ty cổ phần D có nghĩa vụ thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ khi nhận hàng và hóa đơn giá trị gia tăng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay các bên đều xác định Công ty TNHH T3 giao hàng theo đúng hợp đồng, đã xuất đầy đủ hóa đơn giá trị gia tăng, thời điểm thực hiện hợp đồng cuối cùng là ngày 23/5/2023. Vì vậy, Công ty cổ phần D - Đà Nẵng không thanh toán số tiền còn nợ sau 30 ngày kể từ ngày 23/5/2023 là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, Công ty TNHH T3 khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc thanh toán số tiền 225.239.800 đồng (Hai trăm hai mươi lăm triệu  hai trăm ba mươi chín ngàn tám trăm đồng) là có cơ sở, phù hợp với Điều 50 Luật Thương mại.

[2.2] Đối với tiền lãi:

Công ty TNHH T3 yêu cầu Công ty cổ phần D - Đà Nẵng thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán với mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày 23/6/2023 (sau 30 ngày kể từ ngày Công ty TNHH T3 giao hàng lần cuối cùng là 23/5/2024) đến ngày 23/12/2024 với số tiền 33.326.480 đồng, HĐXX xét thấy:

Như đã phân tích nêu trên, Công ty cổ phần D vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 23/6/2023 nên Công ty TNHH T3 yêu cầu tính lãi do chậm thanh toán từ ngày 23/6/2023 đến ngày 23/12/2024 là có căn cứ.

Điều 306 Luật thương mại quy định: *"Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác".*

Theo Công văn 617/CV-CNBĐN-TH ngày 01/12/2024 của Ngân hàng TMCP C3 – Chi nhánh Đ1 xác định lãi suất cho vay thông thường phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh ngắn hạn tối thiểu 9%/năm, trung dài hạn tối thiểu 12%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất trong hạn. Theo Công văn 276/CV-BĐN-KT.m ngày 05/12/2024 của Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Đ1 xác định lãi suất cho vay thông thường đối với khách hàng doanh nghiệp N1 là 6%/năm, trung dài hạn là 9,2%/năm; lãi

suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất trong hạn. Theo Công văn 128/CV-NHNoNĐN-LC ngày 02/12/2024 của Ngân hàng N2 – Chi nhánh quận Đ1 xác định lãi suất cho vay thông thường đối với khách hàng tổ chức dưới 12 tháng là 7%/năm và từ 12 tháng trở lên là 8,0%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất trong hạn. Do đó, Công ty TNHH T3 yêu cầu tính mức lãi suất 10%/năm là phù hợp.

Như vậy, Công ty cổ phần D có nghĩa vụ trả số tiền lãi do chậm thanh toán từ ngày 23/6/2023 đến ngày 23/12/2024 là 548 ngày như sau: 225.239.800 đồng x 10%/năm x 548 ngày = 33.326.480 đồng.

Tổng số tiền Công ty cổ phần D có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH T3 là 258.566.280 đồng (Hai trăm năm mươi tám triệu năm trăm sáu mươi sáu ngàn hai trăm tám mươi đồng), trong đó: tiền còn nợ là 225.239.800 đồng, tiền lãi là 33.326.480 đồng.

[3] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì Công ty cổ phần D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền có nghĩa vụ thanh toán là 258.566.280 đồng, cụ thể: 258.566.280 đồng x 5% = 12.928.000 đồng (Mười hai triệu chín trăm hai mươi tám ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Điều 24, Điều 50, Điều 55, Điều 306 Luật thương mại;

- Điều 117, Điều 401 Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

I. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán của hợp đồng mua bán hàng hóa" của Công ty TNHH T3 đối với Công ty cổ phần D - Đà Nẵng.

Buộc Công ty cổ phần D phải thanh toán cho Công ty TNHH T3 số tiền là 258.566.280 đồng (Hai trăm năm mươi tám triệu năm trăm sáu mươi sáu ngàn hai trăm tám mươi đồng), trong đó: tiền còn nợ là 225.239.800 đồng, tiền lãi là 33.326.480 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

II. Án phí dân sự sơ thẩm: Công ty cổ phần D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.928.000 đồng (Mười hai triệu chín trăm hai mươi tám ngàn đồng).

III. Hoàn trả cho Công ty TNHH T3 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.706.414 đồng (Sáu triệu bảy trăm lẻ sáu ngàn bốn trăm mười bốn đồng) theo biên lai thu số 0008927 ngày 11 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

IV. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07, 07a và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Kim Trinh**